

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-8-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Hà Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Nguyễn Việt Dũng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Huỳnh Thị Ngọc N; sinh năm 2000; cư trú tại: Đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Lưu Đức V; sinh năm 1996; cư trú tại: Hoa Kỳ. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc N, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Lưu Đức V tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25-7-2018. Sau khi kết hôn được 02 tháng thì anh V trở về Hoa Kỳ còn chị thì vẫn ở Việt Nam; sau đó chị tự nhận thấy vợ chồng không hợp nhau.

Nay chị xác định là không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa nên nguyện vọng của chị là được ly hôn với anh V.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị và anh V không có con, tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Lưu Đức V không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của chị N, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 126 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh V.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc N là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại Đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn anh Nguyễn Lưu Đức V; cư trú tại địa chỉ: Hoa Kỳ, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn anh Nguyễn Lưu Đức V bằng đường ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp. Cụ thể, Tòa án đã ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ cấp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N đối với anh V và yêu cầu anh V gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngày 07-4-2022, Cơ quan có thẩm quyền Hoa Kỳ là ABC Legal đã tổng đạt trực tiếp văn bản của Tòa án cho người đang ở cùng nhà là mẹ của anh V.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh V không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng như không gửi lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và đến ngày mở phiên tòa lần thứ nhất thì anh V cũng không có mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa mở lần thứ hai anh V vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn anh V của chị N thì thấy, do mỗi người ở một nơi, vợ chồng không thể sống gần nhau để yêu thương, chăm sóc cho nhau và cho gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn anh V của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Chị N và anh V không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị N phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài chị N phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 153, Điều 469, khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc N đối với anh Nguyễn Lưu Đức V.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Ngọc N được ly hôn với anh Nguyễn Lưu Đức V.

2. Về án phí dân sự: Chị Huỳnh Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004792 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Huỳnh Thị Ngọc N phải chịu 200.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai số 0004837 ngày 09 tháng 12 năm 2021, của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; chị N đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Chị Huỳnh Thị Ngọc N phải chịu 2.441.030 đồng, chị N đã nộp tiền và đã chi thanh toán cho Công ty ABC Legal Services, Hoa Kỳ, theo Chứng từ ngày 09-12-2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh thành phố Đà Nẵng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Ngọc N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Lưu Đức V không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- UBND quận H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ngô Hà Nam**